

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DSST

Ngày: 28/9/2020

V/v: T/c HĐ vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**
- Bà **Trần Ngọc Sáng.**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.
- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Nhu** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2020/TLST-DSST ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 157/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. C, Tp. Cần Thơ

* **Bị đơn:** Bà **Lư Kim U**, sinh năm 1959

Địa chỉ: KV 4, P. Hưng Thạnh, Q. C, Tp. Cần Thơ.

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Lư Kim U vay 3,5 lượng vàng SJC. Cho vay không lãi suất. Hai bên có làm biên nhận ngày 19/10/2011, hạn vay là 2 tuần. Nhưng do sau 02 tuần bà U không trả nên ngày 19/11/2011 làm lại biên nhận khác hẹn ngày trả là 19/12/2011. Đến hạn bà U vẫn không trả nên đến ngày 21/5/2012 làm lại biên nhận khác. Do biên nhận này bà U ghi quá sơ xài nên ngày 19/11/2012 hai bên làm lại giấy nợ khác và bà U thu hồi lại bản gốc của 03 giấy nợ trước. Ngoài số

vàng này ra bà U còn vay của bà D 02 lần tiền, lần 6.000.000đồng và lần là 2.000.000đồng. Bà U có chuyển khoản trả tổng cộng là 9.000.000đồng. Tức còn dư ra 1.000.000đồng. Nay bà yêu cầu bà U trả bà 3,5 lượng vàng SJC, phần 1.000.000đồng còn dư bà đồng ý trừ vào số vàng này.

*** Bị đơn bà Lư Kim U trình bày:** Bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc D 3,5 lượng vàng SJC vào năm 2011. Hai bên có làm tổng cộng 04 biên nhận cho số vàng này như lời bà D trình bày. Khi vay có thỏa thuận trả tiền mặt thì lãi suất 10% còn trả bằng vàng thì lãi suất 7%. Ngoài số vàng này ra bà có vay của bà D tổng cộng 8.000.000đồng tiền mặt.

Tuy nhiên, từ đó đến nay bà đã trả cho bà D nhiều lần bằng tiền mặt là 84.000.000đồng. Khi đưa bà đưa trực tiếp cho bà D và không làm biên nhận nhưng cũng có lần có chị ruột bà là Lư Kim T chứng kiến.

Ngoài ra bà có chuyển khoản trả cho bà D 8-9 lần khoảng 9.000.000đồng.

Nay bà yêu cầu quy số 3,5 lượng vàng SJC ra bằng tiền rồi trừ vào số tiền bà đã trả còn lại bao nhiêu bà sẽ trả tiếp.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Bà Lư Kim U thừa nhận có vay của bà D 3,5 lượng vàng SJC. Bà cho rằng có trả nhiều lần bằng tiền mặt là 84.000.000đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà U có trách nhiệm trả cho bà D số vàng 3,5 lượng vàng SJC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các bên đương sự. Xét đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về căn cứ khởi kiện: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lư Kim U trả số nợ đã vay là 3,5 lượng vàng SJC. Căn cứ để nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “giấy nợ ” được lập ngày 19/11/2012 và lời thừa nhận của bị đơn. Nên có căn cứ xác định bà U có nợ bà D số vàng 3,5 lượng SJC là đúng.

Bà U cho rằng đã trả cho bà D bằng tiền mặt nhiều lần và không làm biên nhận nhưng có chị ruột bà tên Lư Kim T biết, tổng cộng là 84.000.000đồng và chuyển khoản trả 9.000.000đồng. Bà D chỉ thừa nhận bà U có chuyển khoản trả 9.000.000đồng nhưng đã trừ vào số tiền 8.000.000đồng mà bà U đã mượn của bà nên số tiền dôi ra chỉ còn 1.000.000đồng và bà đồng ý cần trừ 1.000.000đồng này vào số vàng bà U đã nợ. Còn số tiền 84.000.000đồng là không có. Bà Lư Kim T thì cho rằng không trực tiếp chứng kiến việc bà U trả tiền cho bà D nhưng có 01 lần nghe bà D nói là qua bà U lấy tiền mới về. Với các chứng cứ trên không đủ căn cứ chứng minh bà U có trả cho bà D 84.000.000đồng. Do vậy cần buộc bà U có trách nhiệm trả cho bà D số vàng là 3,5 lượng SJC. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc cần trừ số tiền 1.000.000đồng vào số 3,5 lượng vàng SJC.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên do bà U trên 60 tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà U thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Do vậy bà không phải chịu án phí vụ kiện. Do nguyên đơn cũng thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí nên không điều chỉnh

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 147, 179 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Buộc bị đơn Lư Kim U phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D 3,5 lượng vàng SJC.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc cần trừ số tiền 1.000.000đồng vào số 3,5 lượng vàng SJC. Các bên sẽ cần trừ số nợ này ở giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn được miễn án phí vụ kiện.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc

